BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 87/TB-ĐHV

Nghệ An, ngày 07 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO
Tiêu chí đánh giá năng lực tiếng Anh

Thực hiện khoản 2, Điều 12 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ *"Hội đồng giáo sư cơ sở phối hợp với cơ sở giáo dục đại học tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ phục vụ công tác chuyên môn và khả năng giao tiếp tiếng Anh của từng ứng viên"*; Công văn số 95/HĐGSNN ngày 04/11/2021 của Hội đồng Giáo sư Nhà nước về đánh giá năng lực ngoại ngữ ứng viên, công khai và báo cáo kết quả xét.

Trường Đại học Vinh thông báo tới Hội đồng Giáo sư cơ sở, các ứng viên đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư tại Hội đồng Giáo sư cơ sở trường Đại học Vinh năm 2025 tiêu chí đánh giá năng lực tiếng Anh *(có bảng tiêu chí gửi kèm)* để Hội đồng, các ứng viên, các đơn vị, cá nhân liên quan được biết và thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- HĐ GSCS Trường ĐHV năm 2025;
- Các ứng viên;
- Lưu: HCTH, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
Dành cho các ứng viên Giáo sư và Phó giáo sư năm 2025

(Kèm theo Thông báo số: 87 /TB-ĐHV ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

Thang điểm từ 0-10 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (định dạng VSTEP .3-5)
Thang điểm và mức đánh giá tương đương: Bậc 3/B1: 4.0-5.5; Bậc 4/B2: 6.0 – 8.0; Bậc 5/C1: 8.5-10

I. TIÊU CHÍ 1: NGỮ PHÁP (Phạm vi, độ chính xác)

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Ứng viên không dự thi.	Chỉ sử dụng được một cách hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đơn giản đã học.	Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống; tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được ý mình muốn truyền đạt.	Sử dụng một cách khá chính xác các dạng câu đơn thường dùng trong những tình huống quen thuộc, tuy có thể còn mắc nhiều lỗi nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được ỷ một cách rõ ràng.	Sử dụng một cách chính xác các dạng câu đơn thường dùng trong những tình huống quen thuộc, tuy có thể còn mắc một số lỗi nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được ý một cách rõ ràng.	- Sử dụng một cách chính xác các dạng câu đơn thường dùng trong những tình huống quen thuộc, tuy có thể còn mắc một số lỗi nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được ý một cách rõ ràng. - Có nỗ lực sử dụng những mẫu câu phức tuy còn mắc nhiều lỗi.	Sử dụng linh hoạt và chính xác câu đơn và một số câu phức, tuy còn mắc một số lỗi sai nhưng không dẫn đến hiểu nhầm.	Sử dụng linh hoạt và chính xác câu đơn và khá nhiều câu phức, tuy còn mắc một số lỗi sai trong diễn đạt một cách không hệ thống.	Sử dụng linh hoạt và chính xác câu đơn và khá nhiều câu phức, tuy còn mắc một số lỗi sai nhưng có thể tự sửa được ngay.	Sử dụng linh hoạt và chính xác nhiều cấu trúc câu đa dạng, tuy đôi khi còn mắc lỗi nhưng khó phát hiện.	Sử dụng linh hoạt và chính xác nhiều cấu trúc câu đa dạng và hầu như không mắc lỗi.

II. TIÊU CHÍ 2: TỪ VỰNG (Phạm vi, kiểm soát)

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Ứng viên không dự thi.	Chỉ sử dụng được một số từ, cụm từ riêng lẻ về một số chủ đề rất quen thuộc.	- Sử dụng được nhiều từ, cụm từ đơn giản về các chủ đề rất quen thuộc. - Chọn đúng từ và dạng thức của từ thuộc phạm vi từ nêu trên.	- Sử dụng được các từ vựng thuộc các chủ đề quen thuộc mặc dù thường xuyên lặp từ.	- Sử dụng được các từ vựng thuộc chủ đề quen thuộc và đôi lúc còn dùng lặp các từ vựng này. - Có nỗ lực sử dụng từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc nhưng còn mắc nhiều lỗi về dùng từ.	- Sử dụng được các từ thuộc các chủ đề quen thuộc, bao gồm cả từ vựng lĩnh vực chuyên môn và đôi lúc còn dung lặp các từ vựng này. - Có nỗ lực sử dụng từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc nhưng còn mắc một số lỗi về dùng từ.	- Sử dụng được các từ vựng thuộc về hầu hết các chủ đề quen thuộc, bao gồm cả từ vựng lĩnh vực chuyên môn; đôi lúc có nỗ lực tránh lặp từ khi sử dụng các từ vựng thuộc chủ đề không quen thuộc. - Có độ chính xác từ vựng tương đối cao tuy vẫn còn lỗi về dùng từ và dạng thức từ.	- Sử dụng được các từ vựng thuộc về hầu hết các chủ đề quen thuộc, bao gồm cả từ vựng lĩnh vực chuyên môn; có nỗ lực tránh lặp từ khi sử dụng các từ vựng thuộc chủ đề không quen thuộc. - Có độ chính xác từ vựng khá cao mặc dù vẫn lúng túng khi chọn từ và đôi lúc dung từ còn sai.	- Sử dụng được các từ vựng thuộc về hầu hết các chủ đề quen thuộc, bao gồm cả từ vựng thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu; rất nỗ lực tránh lặp từ khi sử dụng các từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc. - Có nỗ lực trong việc sử dụng những từ ít quen thuộc và những cách diễn đạt kiểu thành ngữ. - Có độ chính xác từ vựng khá cao mặc dù vẫn lung túng khi chọn từ và đôi lúc dùng từ còn sai.	- Có lượng từ vựng lớn gồm cả các từ không quen thuộc, bao gồm cả từ vựng lĩnh vực chuyên môn sâu; diễn đạt kiểu thành ngữ và lối nói thông tục. - Chủ động tìm những cách diễn đạt khác và/hoặc các cách nói tránh tuy đôi lúc còn ngập ngừng. - Đôi khi vẫn lỡ lời và vẫn mắc một vài lỗi từ vựng nhỏ.	- Có lượng từ vựng lớn gồm cả các từ không quen thuộc, bao gồm cả từ vựng lĩnh vực chuyên môn sâu; thể hiện diễn đạt kiểu thành ngữ và lối nói thông tục. - Chủ động tìm những cách diễn đạt khác và/hoặc các cách nói tránh mà hầu như không ngập ngừng. - Hầu như không lỡ lời và không mắc những lỗi từ vựng nhỏ.

III. TIÊU CHÍ 3: PHÁT ÂM (Âm đơn lẻ, trọng âm, ngữ âm)

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Ứng viên không dự thi	Phát âm được những từ và cụm từ rất đơn giản nhưng độ chính xác thấp, gây khó hiểu cho người nghe	Phát âm tương đối rõ ràng những lừ và cụm từ đơn giản nhưng do đôi khi khó nghe nên người đối thoại vẫn phải yêu cầu nhắc lại.	Phát âm rõ ràng và dễ hiểu những từ và cụm từ, tuy còn mắc khá nhiều lỗi về các âm dơn lè và các lỗi về âm khác.	- Phát âm rõ ràng và dễ hiểu nhũng từ và cụm từ, tuy đôi khi còn mắc lỗi về các âm đơn lẻ. - Có cố gắng nhấn trọng âm từ tuy còn sai nhiều.	- Phát âm rõ ràng và dễ hiểu những từ và cụm từ, tuy đôi khi còn mắc một số lỗi về các âm đơn lẻ. - Có cố gắng nhấn trọng âm từ tuy còn chưa chính xác.	- Phát âm rõ ràng, tự nhiên, và dễ hiểu. - Phát âm đơn lè hầu như rõ ràng, chính xác. - Nhấn trọng âm từ tương đối chính xác và đã thể hiện sự nỗ lực trong việc nhấn trọng âm câu và ngữ điệu câu.	- Phát âm rõ ràng, tự nhiên, và dễ hiểu. - Phát âm đơn lẻ rõ ràng, chính xác. - Nhấn trọng âm từ và trọng âm câu tương đối chính xác. - Có nỗ lực trong việc thể hiện ngữ điệu câu.	- Phát âm rõ ràng, tự nhiên, và dễ hiểu. - Phát âm đơn lè rõ ràng, chính xác. - Nhấn trọng âm từ và trọng âm câu tương đối chính xác. - Rất nỗ lực trong việc thể hiện ngữ điệu câu.	- Phát âm, đặt trọng âm từ và câu chính xác. - Có ngữ điệu câu phù hợp. - Có thể thay đổi trọng âm câu để thể hiện các sắc thái ý nghĩa khác nhau.	- Phát âm, đặt trọng âm từ và câu chính xác. - Có ngữ điệu câu phù hợp. - Có thể thay đổi trọng âm câu và ngữ điệu dể thể hiện các sắc thái ý nghĩa khác nhau và các chức năng khác nhau cùa ngôn ngữ.

IV. TIÊU CHÍ 4: ĐỘ LƯU LOÁT (Ngập ngừng, nói dài)

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Ứng viên không dự thi	Chỉ có thể nói một cách rời rạc, ngập ngừng những từ và cụm từ rất ngắn, phần lớn là những câu đã học thuộc.	Có thể nói những cụm từ và câu ngắn một cách rất chậm chạp, thường xuyên bị lỡ lời và phải nhắc lại.	- Có thể diễn đạt một cách khá trôi chảy những ý đơn giản, và hầu như không diễn đạt được ý phức tạp.	- Có thể diễn dạt trôi chày những ý đơn giản, và có cố gắng diễn đạt một số ý phức tạp nhưng còn chậm do phải tìm cấu trúc và từ vựng. - Biết sử dụng các cụm từ và câu đơn giản để kéo dài câu trả lời.	Có thể diễn đạt trôi chảy những ý đơn giản và diễn đạt được những ý phức tạp nhưng còn chậm do phải tìm cấu trúc và từ vựng. - Có thể nói các đoạn dài nhưng còn mắc lỗi sai và có dấu hiệu của sửa lỗi.	Có thể giao tiếp dễ dàng và lương đối lưu loát những ý đơn giản và phức tạp, có thể ngập ngừng nhưng không phải quá lâu để tìm cấu trúc và từ vựng. - Có thể nói các đoạn dài nhung còn mắc một sổ lỗi không hệ thống và có dấu hiệu của sửa lỗi.	Có thể giao tiếp dễ dàng và tương đối lưu loát, đều đặn những ý đơn giản và phức tạp, đôi lúc còn ngập ngừng nhưng không phải quá lâu để tìm cấu trúc và từ vựng. - Có thể nói các đoạn dài nhưng đôi khi còn lặp từ và còn cần sửa lỗi.	- Có thể giao tiếp dễ dàng, khá lưu loát, đều đặn những ý đơn giản và phức tạp, đôi lúc còn ngập ngừng, nhưng không phải mất thời gian để tìm cấu trúc và từ vựng. - Có thể nói các đoạn dài tuy còn mắc một số lỗi nhỏ.	- Thường xuyên nói các đoạn dài và có thể diễn đạt ý một cách dễ dàng, lưu loát, tự nhiên, nhưng đôi khi còn hiện tượng lặp từ hay sửa lỗi. - Hầu như không có dấu hiệu về việc ngập ngừng để tìm từ và cấu trúc, chỉ ngập ngừng khi tìm ý để diễn đạt về mặt khái niệm.	- Thường xuyên nói các đoạn dài và có thể diễn đạt ý một cách dễ dàng, lưu loát, tự nhiên, và hiếm khi có hiện tượng lặp từ hay sửa lỗi. - Không có dấu hiệu về việc ngập ngừng để tìm từ và cấu trúc, chỉ ngập ngừng khi tìm ý để diễn đạt về một số chủ đề khó về mặt khái niệm.

V. TIÊU CHÍ 5: BỐ CỤC NỘI DUNG (Phát triển chủ đề, tính mạch lạc và liên kết)

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Ứng viên không dự thi	- Hầu như không diễn đạt hoặc phát triển được ý. - Chỉ có thể liên kết từ và cụm từ bằng các từ nối như "và", hoặc, "thì".	- Trả lời được câu hỏi nhưng nội dung trả lời chưa phù hợp và không phát triển được ý ngoài những từ khoá được gợi ý. - Có thể sử dụng một số phương tiện kết nối đơn giản như "và", "nhưng", "bởi vì".	- Trả lời tương đối phù hợp được các câu hỏi và có thể phát triển ý nhưng mới chỉ dưới dạng liệt kê. - Có thể liên kết ý bằng một số các phương tiện kết nối đơn giản nhưng hay bị lặp.	- Trả lời phù hợp được các câu hỏi và thể hiện cố gắng phát triển ý nhưng chỉ dưới dạng liệt kê. - Có thể liên kết ý bằng một số các phương tiện kết nối đơn giản nhưng hay bị lặp.	- Trả lời phù hợp được các câu hỏi và có thể phát triển ý dưới dạng liệt kê, tuy có dấu hiệu cố gắng mở rộng ý nhưng các ý mở rộng thường chưa rõ ràng hoặc bị lặp. - Có thể liên kết ý một cách khá đa dạng khi sử dụng các phương tiện kết nối đơn giản.	- Có thể phát triển ý một cách tương đối dễ dàng, mở rộng ý bằng một số chi tiết và ví dụ minh hoạ phù hợp. - Có thể sử dụng các phương tiện kết nối phức tạp hơn nhưng chưa thể hiện được rõ ràng mối quan hệ giữa các ý.	- Có thể phát triển ý một cách khá dễ dàng, mở rộng ý bằng những chi tiết và ví dụ minh hoạ phù hợp. - Có thể sử dụng nhiều loại phương tiện kết nối thể hiện khá rõ ràng mối quan hệ giữa các ý.	- Có thể phát triển ý một cách dễ dàng, mở rộng ý bằng những chi tiết và ví dụ minh hoạ phù hợp. - Có thể sử dụng nhiều loại phương tiện kết nối để thể hiện rõ ràng mối quan hệ giữa các ý.	- Có thể dễ dàng phát triển ý một cách khá tường tận với các chi tiết và ví dụ minh hoạ phù hợp, và đưa ra kết luận phù hợp. - Có thể trình bày ý rõ ràng, mạch lạc với cấu trúc chặt chẽ, thể hiện khả năng sử dụng khá thành thạo các phương tiện kết nối và các hình thức tổ chức ý.	- Có thể dễ dàng phát triển ý một cách tường tận với các chi tiết và ví dụ minh hoạ phù hợp, và đưa ra kết luận phù hợp. - Có thể trình bày ý rõ ràng, mạch lạc với cấu trúc chặt chẽ, thể hiện khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện kết nối và các hình thức tổ chức ý.